

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29/5/2026
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Đình Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Hà Thị Thu và ông Lê Mạnh Cường.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Hoàng Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** bà Vũ Đức Hạnh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Triệu Thị H, sinh năm 1997; số CCCD: 022197000750; nơi cư trú: thôn L, xã B, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- **Bị đơn:** anh Chìu Ngọc H1, sinh năm 1993; số CCCD: 022093001234; nơi cư trú: thôn L, xã B, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:** Ngân hàng C1; địa chỉ: A L, phường H, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: ông Ninh Văn V, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng C1. Là người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định số: 10107/QĐ-NHCS ngày 19/11/2025 và Quyết định số: 147/QĐ-NHCS ngày 20/11/2025). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Triệu Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh C Ngọc H1 tự do tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Ninh) vào ngày 15/3/2016 theo Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Thời gian đầu

vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân sau khi sinh con, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã chửi nhau, anh H1 không còn quan tâm đến con cái gia đình. Từ năm 2022 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Chiu Ngọc H1.

Về con chung: chị và anh Chiu Ngọc H1 có 03 (ba) con chung là Chiu Như K, sinh ngày 11/8/2016, Chiu Khánh H2, sinh ngày 17/6/2018 và Chiu Du K1, sinh ngày 22/12/2021. Do điều kiện hoàn cảnh kinh tế bấp bênh, việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung không đảm bảo, chị đề nghị anh H1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, theo yêu cầu của anh H1, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu 700.000 đồng/tháng, cho đến khi các con chung thành niên.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị và anh H1 không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2026 bị đơn anh Chiu Ngọc H1 có lời khai thể hiện: về thời điểm chung sống và đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân, cả hai bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Chị H không chăm lo cuộc sống gia đình, cuối năm 2020 chị H đi ngoại tình, từ đó đến nay chị H không về thăm con. Nay chị H, có yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: anh và chị H có 03 (ba) con chung như chị H trình bày là đúng, anh yêu cầu nuôi dưỡng cả ba con chung đến khi thành niên, yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi các con chung, mỗi con là 700.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung thành niên.

Về tài sản chung: anh và chị H không có.

Về khoản nợ chung: anh và chị H có vay Ngân hàng C1 số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay để trồng rừng, thời hạn 5 năm, lãi suất 6,6%/năm. Anh đề nghị Tòa án giải quyết khoản nợ chung nói trên theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/01/2026, Tòa án ban hành văn bản số: 09/CV-TA gửi Ngân hàng C1 Chi nhánh tỉnh Q - Phòng C1 về nội dung: trình bày quan điểm đối với khoản nợ của đương sự trong vụ án ly hôn và ý kiến về việc tham gia tố tụng.

Ngày 18/01/2026 Ngân hàng C1 Chi nhánh tỉnh Q - Phòng C1 ban hành văn bản số: 16/NHCS.BC gửi Tòa án cung cấp toàn bộ tài liệu, chứng cứ liên quan đến khoản vay của anh Chiu Ngọc H1 và chị Triệu Thị H thể hiện ý kiến: khoản vay trên là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân của anh H1 và chị H, vì thế Ngân hàng tham gia tố tụng để giải quyết theo quy định của pháp luật, đồng thời cung cấp tài liệu, chứng cứ về ủy quyền tham gia tố tụng. Ngày 17/3/2026, Ngân hàng C1 xã hội nộp cho Tòa án biên lai thu tạm ứng án phí đối với yêu cầu độc lập của mình. Ngày 20/3/2026, Tòa án đã tiến hành thụ lý yêu cầu độc lập của Ngân hàng C1, xác định tư cách tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Ngày 04/4/2026, Tòa án tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn chị Triệu Thị H để làm rõ nội dung liên quan đến khoản nợ chung của vợ chồng. Tại biên bản lấy

lời khai, chị H thể hiện: trong thời gian chung sống, chị có biết anh H1 đi vay vốn tại Phòng C1 số tiền 100.000.000 đồng, chị có hỏi anh H1, nhưng anh bảo đây là khoản vay riêng của anh để xây dựng nhà riêng của bố mẹ anh H1. Chị khẳng định khoản vay trên mặc dù phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nhưng không phải khoản nợ chung của vợ chồng, bởi chị không ủy quyền cho anh H1 đi vay.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chung ngày 30/12/2025 đối với Chìu Như K, sinh ngày 14/8/2016 và Chìu Khánh H2, sinh ngày 17/6/2018. Các con chung đều có nguyện vọng được chung sống với anh Chìu Ngọc H1.

Tại biên bản xác minh ngày 30/12/2025 về nguyên nhân việc phát sinh tranh chấp ly hôn giữa chị Triệu Thị H và anh Chìu Ngọc H1, đại diện Cộng đồng dân cư bà Đàm Thị H3, Bí thư Chi bộ - Trưởng thôn Làng Han, xã B, tỉnh Quảng Ninh cho biết: mâu thuẫn cụ thể giữa anh chị thì tại địa bàn thôn không nắm được, tuy nhiên từ năm 2022 chị Triệu Thị H không còn chung sống với anh Chìu Ngọc H1, chị H đi đâu thì không rõ.

* Các sự kiện không phải chứng minh, tình tiết các đương sự đã thống nhất, như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: hai đương sự thống nhất ly hôn, kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Ninh) ngày 15/3/2016.

- Về con chung: hai đương sự có 03 (ba) con chung là Chìu Như K, sinh ngày 11/8/2016, Chìu Khánh H2, sinh ngày 17/6/2018 và Chìu Du K1, sinh ngày 22/12/2021. Hai bên thống nhất anh Chìu Ngọc H1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả ba con chung đến khi thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Triệu Thị H cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con là 700.000 đồng/tháng, cho đến khi các con chung thành niên. Việc cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

- Về tài sản chung: hai đương sự không có.

* Các tình tiết các đương sự không thống nhất:

- Về khoản nợ chung: nguyên đơn trình bày không có, bị đơn yêu cầu giải quyết khoản nợ chung, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập yêu cầu giải quyết khoản nợ chung của hai vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/4/2026, anh Chìu Ngọc H1 đã đến Ngân hàng C1 Chi nhánh tỉnh Q - Phòng C1 tắt toán toàn bộ khoản vay nói trên.

Ngày 14/4/2026, Ngân hàng C1 có văn bản gửi Tòa án rút yêu cầu độc lập về khoản vay 100.000.000 đồng đối với anh Chìu Ngọc H1 và chị Triệu Thị H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị H có quan điểm trình bày: chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Chiu Ngọc H1 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thể hiện: do điều kiện công việc, anh không thể tham gia phiên tòa, anh đề nghị xét xử vắng mặt anh. Về nội dung yêu cầu khởi kiện, anh đồng ý ly hôn với chị H, về con chung anh giữ nguyên quan điểm yêu cầu được nuôi dưỡng cả ba con chung đến khi thành niên, yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con 700.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung thành niên. Về khoản nợ chung, anh xác định đây là nợ riêng của anh và anh đã thanh toán xong cho Ngân hàng, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng Chính sách xã hội vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nội dung đơn thể hiện: anh Chiu Ngọc H1 đã thanh toán toàn bộ khoản vay 100.000.000 đồng theo sổ vay vốn mã khách hàng 7117320883. Ngân hàng đã có văn bản xin rút yêu cầu độc lập trước khi Tòa án mở phiên tòa, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh

- Về tố tụng: đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Triệu Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh Chiu Ngọc H1. Giao các con chung Chiu Như K, Chiu K và Chiu Du K1 cho anh C Ngọc H1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Chị Triệu Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi con 700.000 đồng/tháng, việc cấp dưỡng định kỳ hằng tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Về tài sản chung: không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về khoản nợ chung: không có. Đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết khoản nợ của Ngân hàng C1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết nuôi con khi ly hôn, do vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Nguyên đơn và bị đơn đều có cư trú tại thôn L, xã B, tỉnh Quảng Ninh, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

[1.2] Về phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn từ chối tham gia phiên họp về kiểm

tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và có ý kiến không tiến hành hòa giải, nguyên đơn có ý kiến đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án được xác định thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và thông báo kết quả cho bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đã triệu tập hợp lệ đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Triệu Thị H và anh Chìu Ngọc H1 trên cơ sở tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh (nay là xã B, tỉnh Quảng Ninh). Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng ép. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, hai vợ chồng thừa nhận phát sinh mâu thuẫn, mặc dù mỗi bên đưa ra nguyên nhân khác nhau, nhưng đều thống nhất cả hai không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vợ chồng đã ly thân từ năm 2022. Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh Hà L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chấp nhận cầu ly hôn của chị H là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: hai đương sự có 03 (ba) con chung là Chìu Như K, sinh ngày 11/8/2016, Chìu Khánh H2, sinh ngày 17/6/2018 và Chìu Du K1, sinh ngày 22/12/2021. Hiện tại các con chung đang sống với anh H1, anh H1 có yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi thành niên, yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 700.000 đồng/tháng, cho đến khi các con chung thành niên. Chị H đồng ý với yêu cầu của anh H1. Xét yêu cầu, ý kiến của hai đương sự, quyền lợi và nguyện vọng của các con chung chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy việc giao các con chung Chìu Như K, Chìu K và Chìu Du K1 cho anh H1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị Triệu Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 700.000 đồng/tháng, cho đến khi các con chung thành niên là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: hai đương sự trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về khoản nợ chung: hai đương sự không có, đối với khoản vay 100.000.000 đồng tại Ngân hàng C1, bị đơn Chìu N xác nhận là khoản nợ riêng, đã tự nguyện tất toán trước khi mở phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng C1 có văn bản rút toàn bộ yêu cầu độc lập trước khi

mở phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện nên được chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu mà Ngân hàng C1 đã rút.

[3] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 218, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Triệu Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Triệu Thị H được ly hôn anh Chiu Ngọc H1.

2. Về con chung: giao con chung Chiu Như K, sinh ngày 11/8/2016, Chiu Khánh H2, sinh ngày 17/6/2018 và Chiu Du K1, sinh ngày 22/12/2021 cho anh Chiu Ngọc H1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên. Chị Triệu Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung Chiu Như K, Chiu K và Chiu Du K1 mỗi con với mức cấp dưỡng 700.000^d (bảy trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Chị Triệu Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và khoản nợ chung: không có.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về việc buộc nguyên đơn, bị đơn phải trả khoản vay số tiền 100.000.000^d (một trăm triệu đồng) theo sổ vay vốn mã khách hàng 7117320883, họ và tên người vay Chiu Ngọc H1 ngày 10/7/2022.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Triệu Thị H phải chịu 600.000^d (sáu trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm (bao gồm án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0002522 ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án

dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Triệu Thị H còn phải nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng C1 xã hội tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.500.000^d (hai triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền trên Ngân hàng C1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001096 ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

6. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án này, được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát KV4 - Quảng Ninh;
- Phòng THADSKV4 - Quảng Ninh;
- UBND xã Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đình Khoa